TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ VĨNH LONG
TỈNH VĨNH LONG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 09/2025/HNGĐ-ST
Ngày: 03-02-2025
"V/v Ly hôn giữa
bà N và ông B"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TP. VĨNH LONG, TỈNH VĨNH LONG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Loan

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Lê Minh Hoàng;

2. Ông Nguyễn Tùng Châu.

- Thư ký phiên tòa: Bà Huỳnh Thị Kim Giang - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Vĩnh Long, tỉnh Vĩnh Long.

Ngày 03 tháng 02 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Vĩnh Long, tỉnh Vĩnh Long xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 342/2024/TLST - HNGĐ ngày 23 tháng 10 năm 2024 về tranh chấp Ly hôn và nuôi con chung theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 04/2025/QĐXX - ST ngày 10 tháng 01 năm 2025 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Bà **Sơn Thị N**, sinh năm 1990 (có đơn đề nghị xét xử vắng mặt)

- *Bị đơn*: Ông **Nguyễn Nguyên B**, sinh năm 1987 (có đơn đề nghị xét xử vắng mặt)

Cùng địa chỉ: 183 khóm V, phường T, thành phố V, tỉnh Vĩnh Long.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Tại đơn khởi kiện đề ngày 12/9/2024 và trong quá trình xét xử, nguyên đơn Sơn Thị N trình bày:

Về hôn nhân: Bà và ông Nguyễn Nguyên B quen biết nhau, tự tìm hiểu rồi tiến đến hôn nhân, có đăng ký kết hôn ngày 05/10/2009 tại Ủy ban nhân dân xã T (nay là phường T), thành phố V, tỉnh Vĩnh Long. Thời gian đầu sống hạnh

phúc, Bà và ông B phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống, không còn quan tâm chăm sóc lẫn nhau, không còn tình cảm vợ chồng để tiếp tục xây dựng gia đình, đã ly thân nhau mỗi người có cuộc sống riêng. Nay, Bà không thể tiếp tục cuộc sống vợ, chồng với ông B, việc xin ly hôn ông B đã biết nhưng không đến Tòa án giải quyết do đi làm ăn xa, Bà xác định không còn tình cảm vợ, chồng với ông B nên xin ly hôn chứ không nhằm mục đích nào khác, mâu thuẫn vợ, chồng không hàn gắn được nên Bà yêu cầu giải quyết được ly hôn ông B. Về con chung: Bà và ông B có hai người con chung là Nguyễn Vinh P, sinh ngày 01/12/2009 và Nguyễn Thị Thiên H, sinh ngày 17/7/2019 hiện hai con đang sống với Bà, sau khi ly hôn Bà yêu cầu tiếp tục nuôi hai con đến tuổi trưởng thành; không yêu cầu ông B cấp dưỡng, trường hợp con Vinh P có nguyện vọng muốn sống với cha và Ông đồng ý nhận nuôi con thì Bà đồng ý giao con cho ông B nuôi dưỡng, Bà không cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung: Bà và ông B tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Nợ chung: Bà N khai trong thời kỳ hôn nhân đến thời điểm xin ly hôn không có nợ chung. Tại phiên tòa sơ thẩm, bà N giữ các yêu cầu trong đơn khởi kiện, ý kiến trình bày tại biên bản không tiến hành hòa giải được, đề nghị xét xử vắng mặt.

* Trong quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã tiến hành công khai chứng cứ và hòa giải theo đúng thủ tục tố tụng nhưng ông B vắng mặt không có lý do dù đã được Tòa án tống đạt thủ tục tố tụng hợp lệ theo quy định của pháp luật. Ngày 10/01/2025 Tòa án nhận được văn bản ý kiến của ông B, có nội dung như sau: Về hôn nhân Ông thống nhất lời trình bày của bà N quá trình kết hôn và nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn vợ chồng, đồng thời Ông xác định không còn tình cảm vợ chồng với bà N nên đồng ý ly hôn; về con chung: ông xác định có hai người con chung như bà N trình bày, ông đồng ý giao 02 con cho bà N trực tiếp nuôi dưỡng, Ông không cấp dưỡng nuôi con, tại bản khai ý kiến bổ sung ngày 20/01/2025, trường hợp, khi Ông và bà N ly hôn, con chung Vinh P có nguyện vọng muốn sống với Ông thì Ông đồng ý và không yêu cầu bà N cấp dưỡng nuôi con; về tài sản chung: không yêu cầu Tòa án giải quyết; nợ chung: không có. Ngoài ra, ông B có đơn xin xét xử vắng mặt đề ngày 08/01/2025, lý do Ông bận đi làm xa, việc đi lại gặp khó khăn. Do đó, ông B không tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ; vụ án không tiến hành hòa giải được.

Các đương sự không xuất trình chứng cứ gì mới tại phiên tòa.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, đơn xin vắng mặt tại phiên tòa của các đương sự. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Bà Sơn Thị N khởi kiện yêu cầu xin ly hôn; ông Nguyễn Nguyên B đồng ý bằng văn bản ngày 08/01/2025, đồng thời xin vắng mặt suốt quá trình giải quyết. Do đó, đây là vụ án thuận tình ly hôn, nuôi con được quy định tại các điều 51, 55, 81 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014. Căn cứ khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, khoản 3 Điều 36, khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố V.

Các đương sự có đơn đề nghị xử vắng mặt theo quy định tại khoản 1 Điều 227, Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án vắng mặt Các đương sự.

Hiện nay, bà N và ông B sống ly thân nhau, sau khi phát sinh mâu thuẫn vợ, chồng Ông, Bà không có yêu cầu Cơ quan quản lý Nhà nước về công tác gia đình tại địa phương hòa giải mâu thuẫn, tranh chấp của Ông, Bà; ý kiến, nguyện vọng của Vinh P muốn sống với cha. Bà N xác định rõ nguyên nhân phát sinh tranh chấp, đã ly thân không hàn gắn được tình cảm vợ chồng; ông B đồng ý yêu cầu xin ly hôn của bà N nhưng bận đi làm xa không đến Tòa án để giải quyết được. Do đó, việc thu thập tài liệu, chứng cứ lấy ý kiến tại địa phương để tham khảo là không cần thiết.

[2] Về nội dung.

[2.1] Về hôn nhân: Bà Sơn Thị N khởi kiện yêu cầu xin ly hôn; quan hệ hôn nhân của ông, bà là hợp pháp ông Nguyễn Nguyên B đồng ý bằng văn bản đề ngày 08/01/2025 do đó, Hội đồng xét xử áp dụng Điều 55 của Luật Hôn nhân và gia đình, ghi nhận sự tự nguyện ly hôn giữa bà N và ông B.

[2.2] Về con chung: Bà N và ông B có hai người con chung là Vinh P và Thiên H, bà N yêu cầu nuôi dưỡng hai con chung đến khi các con lần lượt đủ 18 tuổi, trường hợp sau khi Ông, Bà ly hôn, ý kiến, nguyện vọng của P muốn sống với ông B thì Bà đồng ý giao con cho ông B nuôi dưỡng, Bà không cấp dưỡng nuôi con; bằng văn bản ngày 20/01/2025, ý kiến của ông B về nguyện vọng của P muốn sống cùng Ông thì Ông đồng ý nuôi dưỡng P và không yêu cầu bà N cấp dưỡng nuôi con. Do đó, Hội đồng xét xử giao Thiên H cho bà N trực tiếp nuôi dưỡng, giao Vinh P cho ông B trực tiếp nuôi dưỡng; cấp dưỡng nuôi con không ai yêu cầu nên không đặt ra giải quyết.

[2.3] Về tài sản chung: Bà N tự thỏa thuận với ông B nên không đặt ra giải quyết; nợ chung: Bà N, ông B xác định không có nên không đặt ra giải quyết.

[3] Về án phí: Căn cứ Điều 144, khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; áp dụng điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTV - QH 14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Bà N phải nộp án phí dân sự sơ thẩm đối với yêu cầu xin ly hôn 300.000đ, ông B không phải nộp án phí sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng các điều 51, 55, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; căn cứ Điều 144, khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 227, Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; áp dụng điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Tuyên xử:

1/ Về nội dung:

1.1/ Về hôn nhân: Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa bà Sơn Thị N và ông Nguyễn Nguyên B.

1.2/ Về nuôi con chung: Bà N và ông B có hai người con chung là Nguyễn Vinh Phú, sinh ngày 01/12/2009 và Nguyễn Thị Thiên H, sinh ngày 17/7/2019, giao cho bà Nga trực tiếp nuôi dưỡng Thiên H, ông B trực tiếp nuôi dưỡng Vinh P và theo nguyện vọng của Phú muốn sống chung với cha - ông B; bà N, ông B không ai phải cấp dưỡng nuôi con.

Sau khi ly hôn bà N, ông B có quyền thăm nom con chung, không ai được cản trở nhưng không được lạm dụng việc thăm nom để gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng con chung thì bà N, ông B có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm con.

1.3/ Về chia tài sản: Không đặt ra giải quyết; nợ chung: Không có.

2/ Về án phí: Bà Sơn Thị N phải chịu án phí dân sự sơ thẩm 300.000đ (ba trăm ngàn đồng) được trừ vào tiền tạm ứng án phí 300.000đ đã nộp theo biên lai thu số N^{0} 0007288 ngày 10/10/2024 tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố V. Bà N đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ sau ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được Bản án hoặc được tống đạt hợp lệ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nơi nhận:
- Các đương sự 02;
- THADS TPVL02;
- VKSND TPVL01;
- TAND tỉnh VL02;
- UBND phường Tân Ngãi, TPVĩnh Long;tỉnhVĩnh Long 01;
- Lưu VT, hồ sơ vụ án.

Nguyễn Thị Loan

CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN **THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

1/ .....

2/ ....

CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN **THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

1/ .....

2/ ....